TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HNGÑ -ST
Ngày 26/11/2021.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

N DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN N DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm N dân:

1/. Ông Trần Văn Ph;
2/. Ông Danh H.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Danh Văn An – Thẩm Phán Tòa án N dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà***: Bà Lý Thị Nh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2021/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 215/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa:

1/. Nguyên đơn: Chị L K L, sinh năm 1989;
Địa chỉ: ấp Bình Tốt B, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
2/. Bị đơn: Anh T T S, sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp Phước 2, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
(ChịL có đơn xin vắng mặt, anh S vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị L K L có lời khai trình bày: Chị với anh T T S làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2010 tại Ủy ban N dân xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Về con chung, chị và anh S có 02 người con tên T T K, sinh ngày 08/6/2011 và T T N, sinh ngày 23/8/2014, hiện đang sống với chị. Về tài sản chung, nợ chung, chị và anh không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ chị, anh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên N là trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị và anh đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành

và không còn sống chung khoảng 08 năm nay. NayL chị yêu cầu ly hôn với anh T T S, yêu cầu nuôi 02 người con tên T T K, sinh ngày 08/6/2011 và T T N, sinh ngày 23/8/2014, không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T T S vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện của Viện kiểm sát N dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn N: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn N gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L K L, cho chịL được ly hôn với anh T T S.

+ Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao các cháu T T K, sinh ngày 08/6/2011 và T T N, sinh ngày 23/8/2014 cho chịL trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng: do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chịL phải chịu án phí sơ thẩm hôn N 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị L K L kiện anh T T S về việc Hôn N gia đình tại Tòa án N dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, anh T T S có địa chỉ tại ấp Phước 2, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long nên Tòa án N dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2021 của Tòa án N dân huyện Phước Long đối với ông Lâm Chí Đ là Trưởng ấp Phước 2, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long cung cấp thông tin, anh T T S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Phước 2, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nhưng hiện tại anh S đi làm ăn. Như vậy, việc niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh S là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. ChịL có đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử, anh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên việc xét xử vắng mặt chịL, anh S là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn N: chị L K L xác định chị với anh S làm đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại Giấy đăng ký kết hôn ngày 30/8/2010, Ủy ban N dân xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long thể hiện chịL và anh S đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2010. Xét thấy, quan hệ hôn N của chị và anh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay chịL yêu cầu ly hôn với anh S. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn về hôn N của chịL và anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được, theo lời khai ngày 22/6/2021 của chịL thì chị và anh S không còn sống chung khoảng 08 năm nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn N và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L K L, cho chịL được ly hôn với anh T T S.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chịL và Giấy khai sinh do chịL cung cấp, chị và anh S có có 02 người con tên T T K, sinh ngày 08/6/2011 và T T N, sinh ngày 23/8/2014, hiện các cháu đang sống với chịL, chịL có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy, các cháu đang được chịL nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, các cháu K và N có nguyện vọng sống với chịL, anh S thường xuyên đi làm ăn nên vắng mặt tại nơi cư trú; Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn N và gia đình năm 2014, tiếp tục giao các cháu T T K, sinh ngày 08/6/2011 và T T N, sinh ngày 23/8/2014 cho chịL nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh S được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng, do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của chịL thì chị và anh S không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ anh, chị. ChịL không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc chị L K L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn N và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hon nhan: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L K L, cho chị L K L được ly hôn với anh T T S.

2/. Về con chung: tiếp tục giao các cháu T T K, sinh ngày 08/6/2011 và T T N, sinh ngày 23/8/2014 cho chịL nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh S được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Veà aùn phí hôn N và gia đình sơ thẩm: buộc chị L K L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chịL đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004775 ngày 26 tháng 4 năm 2021 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Anh T T S không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nôi nhaän:
- TAND tænh Bac Lieu
- VKSND huyeän Phöôùc Long
- Ñöông söï
- Ngöôøi tham gia toá tuïng khac
- Löu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh T